

Bản án số: 129/2021/HS-PT

Ngày: 09 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLPT - HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thành T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 473/2020/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986 tại tỉnh Long An; Thường trú: 29 đường B khu ADC, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim Th và bà Trương Thị Thu H; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Lê Thị N; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 17/9/2020 – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/6/2020, Trần Chí C được một người đàn ông Trung Quốc (không rõ lai lịch) gọi điện thoại nhờ tìm, thuê nhà cho nhóm người Trung Quốc lưu trú để đi du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và hẹn gặp C tại ngã tư đường số 7 và đường D, quận Đ. Khi đến điểm hẹn, C gặp 04 người Trung Quốc (tên W, X, Y và 01 người không nhớ rõ họ tên). Y trao đổi với C về việc thuê nhà khoảng 01

tháng để lưu trú và đi du lịch. Cùng ngày, C gọi cho Nguyễn Thành T (bạn quen qua mạng zalo từ năm 2017) nhờ tìm nhà thuê. Sau đó, Trung đưa C và 04 người Trung Quốc đến đường E, Quận 8 nhưng không tìm được căn nhà nào vừa ý.

Ngày 15/6/2020, T liên hệ Nguyễn Quang F (bạn quen qua mạng zalo từ năm 2019) và Võ Thị Tuyết Nh (Nhân viên kinh doanh bất động sản Công ty G) để hỗ trợ tìm nhà cho thuê. Khoảng 13 giờ, ngày 16/6/2020, C dẫn 04 người Trung Quốc đến gặp T và Nh để đi xem nhà và nhóm người Trung Quốc đồng ý thuê căn nhà số 67, đường 53, phường I, quận Đ (nhà số 67). Trung thỏa thuận để F đứng tên ký hợp đồng thuê nhà và hứa sẽ trả công cho F.

Sáng ngày 17/6/2020, T dẫn F đến Công ty G gặp Nh ký hợp đồng thuê căn nhà số 67 với chủ nhà là bà Nguyễn Thị Bé L, số tiền thuê nhà là 20.000.000đ/tháng, đặt cọc 02 tháng và trả trước 01 tháng. T đề nghị Nh ghi trong hợp đồng thuê nhà là 25.000.000đ/tháng để hưởng tiền chênh lệch 5.000.000đ. Sau đó, T gọi báo cho C biết là đã ký hợp đồng thuê nhà và đến nhà số 67 gặp Y nhận 65.000.000đ (25.000.000đ tiền thuê 01 tháng, đặt cọc 40.000.000đ). T giao cho Nh 60.000.000đ, giữ lại 5.000.000đ và gọi F đến gặp Nh kiểm tra tài sản để nhận nhà. F trao chìa khóa nhà cho T và nhận 3.000.000đ tiền công đứng tên thuê nhà, còn T giữ lại 2.000.000đ để tiêu xài và nói với F chưa có việc gì làm thì qua lại nhà số 67 để mua sắm giúp nhóm người Trung Quốc kiếm thêm tiền. Cùng ngày 17/6/2020, T đến nhà số 67 để mở cửa cho 04 người Trung Quốc vào ở và yêu cầu 04 người Trung Quốc đưa hộ chiếu cho T kiểm tra (giao tiếp bằng phần mềm “Google dịch”). Y đưa cho T 03 hộ chiếu (gồm Y, W và một người không rõ họ tên), còn X không có hộ chiếu, T thấy 03 hộ chiếu này không được cấp thị thực nhập cảnh vào Việt Nam nên T biết nhóm người này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Đến chiều tối, T qua nhà F chơi, F hỏi T nhóm người Trung Quốc này có hộ chiếu không thì T đưa cho F xem 03 hộ chiếu trên, thấy không có thị thực nhập cảnh nên F biết nhóm người Trung Quốc này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Ngày 20/6/2020, Y nhờ C mua 01 Laptop và đổi 6.000 nhân dân tệ sang tiền Việt Nam. C đến một tiệm vàng ở Quận 6 (không rõ địa chỉ) đổi được 19.620.000đ giao lại cho Y và được Y trả 3.000.000đ tiền công phiên dịch và hỗ trợ tìm nhà. C không mua Laptop mà nhờ T mua giúp. Trưa cùng ngày, T gặp Y lấy 9.800.000đ và tiền nhân dân tệ đi đổi (T không nhớ địa điểm cụ thể) được 5.200.000đ. T mua Laptop với giá 14.500.000đ giao cho Y và giữ lại 500.000đ tiền công. Sau đó, F gặp T hỏi có đăng ký tạm trú cho nhóm người Trung Quốc này không thì T nói nhóm người này ở khoảng 01 tháng nên không cần đăng ký.

Ngày 22/6/2020, F thấy có thêm khoảng 05 người Trung Quốc đến ở tại đây nhưng không biết rõ lúc nào.

Ngày 26/6/2020, khi T và C uống café với Y và W, X và người Trung Quốc không rõ họ tên, họ có đưa 03 hộ chiếu trên cho T, C xem và thừa nhận nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, không có thị thực nên C và T biết rõ nhóm người Trung Quốc này nhập cảnh trái phép, nhưng C vẫn tiếp tục giúp nhóm người Trung Quốc vì được T hứa sẽ trả tiền công cho C khi giúp phiên dịch với

số người Trung Quốc. Khoảng ngày 27/6/2020 đến 15/7/2020, C 03 lần giúp cho Y đổi tiền nhân dân tệ (mỗi lần khoảng 1.000 nhân dân tệ, 2.000 nhân dân tệ, 5.000 nhân dân tệ) được khoảng hơn 32.000.000đ.

Ngày 27/6/2020, F đến nhà số 67 mua thức ăn giúp và yêu cầu 05 người Trung Quốc mới đến đưa cho F xem hộ chiếu. Sau khi xem xong, F thấy 05 hộ chiếu này không được cấp thị thực nhập cảnh vào Việt Nam nên F biết 05 người này nhập cảnh trái phép.

Ngày 03/7/2020, khi F đến mua thức ăn cho nhóm người Trung Quốc ở nhà số 67, thấy có thêm khoảng 04 người Trung Quốc khác đang lưu trú tại đây, nhưng F không rõ đến từ khi nào (F không kiểm tra hộ chiếu của 04 người này do F nghĩ rằng 04 người này là bạn của những người Trung Quốc đã vào ở trước đó và cũng nhập cảnh trái phép vào Việt Nam). F hỏi T có đăng ký tạm trú cho nhóm người Trung Quốc mới đến ở hay không, Trung nói số người này là bạn của 04 người Trung Quốc ban đầu, vào ở chung nên không cần đăng ký.

Đầu tháng 7/2020, Y đề nghị T thuê giúp thêm 01 căn nhà do số người Trung Quốc ở tại nhà số 67 quá đông.

Ngày 09/7/2020, T nhờ Nh dẫn F cùng nhóm người Trung Quốc đi xem và nhất trí thuê căn nhà số 81, đường 55, phường I, quận Đ (nhà số 81).

Ngày 10/7/2020, F đến Công ty G ký hợp đồng thuê nhà số 81 với chủ nhà là ông Nguyễn Kim Th, số tiền thuê nhà là 20.000.000đ/tháng, đặt cọc 02 tháng và trả trước 01 tháng. Sau khi ký hợp đồng, Trung liên hệ Y báo giá thuê nhà 27.000.000đ/tháng và đặt cọc 40.000.000đ. Y đưa cho Trung 67.000.000đ, Trung đưa cho Nh 60.000.000đ, còn 7.000.000đ Trung chia cho F 4.000.000đ và giữ lại 3.000.000đ để tiêu xài. Sau đó, F đã thông báo cho khoảng 07 người Trung Quốc chuyển từ nhà số 67 đến nhà số 81 để ở. F tiếp tục hỏi T có cần đăng ký tạm trú cho nhóm Trung Quốc này không, thì T nói là những người này chỉ ở vài ngày rồi đi nên không cần đăng ký (riêng C không liên quan đến việc thuê nhà số 81).

Ngày 17/7/2020, Trung gặp Y lấy 25.000.000đ tiền thuê nhà (tháng thứ hai của nhà số 67), đưa cho Nh 20.000.000đ, chia cho F 3.000.000đ và giữ lại 2.000.000đ để tiêu xài.

Từ ngày 18/7/2020 đến ngày 29/7/2020, F thấy có khoảng 08 người Trung Quốc vào ở tại 02 căn nhà trên (không rõ vào ở từ lúc nào). F cũng không kiểm tra hộ chiếu vì nghĩ nhóm người này là bạn của những người Trung Quốc đã ở trước đó nên cũng nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, như vậy có tổng cộng 21 người Trung Quốc ở tại 02 căn nhà trên.

Ngày 27/7/2020, F gọi điện thoại báo cho T biết là có cảnh sát khu vực gọi điện thoại, yêu cầu F đến để kiểm tra hành chính nhà số 81 nhưng F không đến.

Ngày 28/7/2020, F đến nhà số 81 thì thấy khóa cửa ngoài, F qua nhà số 67 thì thấy nhóm người Trung Quốc ở nhà 81 đã ở tại đây, F gọi điện thoại báo cho T thì T nói cứ để nhóm Trung Quốc ở tại nhà 67. Đến 14 giờ cùng ngày, T kêu F

lên Công an phường I, quận Đ để làm việc và F bị lập biên bản về hành vi không đăng ký tạm trú cho số người Trung Quốc ở tại căn nhà số 81.

Khi dịch Covid 19 bùng phát ở Thành phố Đà Nẵng, ngày 22/7/2020, C đến nhà số 67 gặp và yêu cầu Y cùng 03 người Trung Quốc dọn đi nơi khác ở nhưng Y không đồng ý, C nói với Y nếu không đi thì không hỗ trợ phiên dịch nữa.

Sáng ngày 29/7/2020, Y gọi báo cho C biết sẽ có xe đưa nhóm người này đi vào ngày 29/7/2020 nên hẹn gặp C và Trung tại Trung tâm Aeon Mall B (TT Aeon Mall) ăn uống và chia tay. Tối cùng ngày, T đến nhà số 67 thì thấy 04 người Trung Quốc ban đầu ở cùng khoảng 17 người Trung Quốc khác. Y nhờ T đặt xe đến TT Aeon Mall nên T đã đặt 02 xe ô tô 07 chỗ và nhờ F đặt thêm 02 xe ô tô 07 chỗ cho 21 người Trung Quốc. Sau đó, F đi xe máy đến, còn C đón T đi xe máy đến sau. Đến 20 giờ cùng ngày, C, Trung và F đến TT Aeon Mall gặp nhóm 04 người Trung Quốc ban đầu để ăn uống, còn nhóm người Trung Quốc khác thì đi riêng. Sau khi ăn cơm xong, Y đưa cho T 4.000.000đ và nói muốn đi xem phim nên T đưa cho F 2.000.000đ để mua vé xem phim và đồ ăn cho 21 người Trung Quốc và 01 vé cho F, rồi T, C ra về. Đến 21 giờ 40 phút, F và 20 người Trung Quốc đi xem phim tại TT Aeon Mall (Y không xem phim, không rõ đi đâu). Đến 23 giờ 40 phút, F điện thoại báo cho T biết là nhóm người Trung Quốc đã xem phim xong thì T kêu F đưa họ xuống cổng TT Aeon Mall vì có xe chờ sẵn. Sau đó, có một người đàn ông gọi điện thoại (không nhớ số điện thoại) báo cho F biết là không thể đón ở TT Aeon Mall và nhờ F gọi xe đưa nhóm người Trung Quốc đến hẻm 539 Đường Z, quận B. Sau đó, F đã đặt xe 03 xe ô tô 07 chỗ đưa F và 20 người Trung Quốc đến hẻm 539 Đường Z. Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 30/7/2020, F và 20 người Trung Quốc đến hẻm 539 Đường Z, F nói 20 người Trung Quốc đứng trong hẻm 539 Đường Z chờ xe, còn F đi bộ ra chỗ khác rồi đặt Grab để đi về. Trong lúc chờ xe đến, F thấy 20 người Trung Quốc bỏ chạy nên F đã gọi điện thoại báo T biết. T kêu F qua nhà T lấy xe quay lại xem có chuyện gì. Khi F quay lại xem thì thấy nhóm người Trung Quốc đã bị công an tạm giữ nên F đã gọi điện thoại báo cho T biết việc này.

Sáng 30/7/2020, Y gọi điện thoại báo cho C biết việc nhóm người Trung Quốc bị phát hiện, một số người bị công an mời về làm việc, một số người bỏ chạy được và nhờ C đón 06 người Trung Quốc ở đường V, Quận U đến TT Aeon Mall. Một lúc sau, T cũng gọi C nói việc nhóm người Trung Quốc bị công an mời về làm việc, C hẹn Trung ở TT Aeon Mall để nói chuyện. Sau đó, C đặt xe 07 chỗ để đón 06 người Trung Quốc đến TT Aeon Mall. Tại đây, C, T, 06 người Trung Quốc và Y gặp nhau, Y đưa C 15.000.000đ để nhờ trả tiền cho tài xế. Trong lúc C đếm tiền thì Y đưa điện thoại cho T nói chuyện với tài xế để hướng dẫn đường đi vào. Sau đó, C đưa cho T 15.000.000đ để T trả cho tài xế của xe 29 chỗ đến đón nhóm người Trung Quốc. T đã hướng dẫn cho xe đến đoạn đường R giao với đường S để chờ Y và nhóm người Trung Quốc đi khỏi Thành phố Hồ Chí Minh, còn C và T đi về nhà. Chiều ngày 30/7/2020, T đưa cho F 2.000.000đ (trong số tiền 4.000.000đ Y đưa) tiền công mua thức ăn, đồ dùng cá nhân giúp nhóm người Trung Quốc và kêu F đến TT Aeon Mall lấy xe

máy về. Khi F tới nơi lấy xe thì bị Công an quận B phát hiện và mời về làm việc. Sau đó, C và T lần lượt được mời về trụ sở Công an quận B để làm việc.

Bị cáo Trần Chí C khai nhận: Từ ngày 14/6/2020 đến cuối tháng 7/2020, C có giúp đỡ cho 04 người Trung Quốc thuê nhà số 67 để lưu trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, vào ngày 26/6/2020, C và Nguyễn Thành T cùng với 04 người Trung Quốc (Y, W, X và 01 người không nhớ rõ họ tên) ngồi uống cà phê tại quán gần căn nhà số 67, lúc này T có nhờ C hỏi nhóm người Trung Quốc này có thị thực nhập cảnh vào Việt Nam không thì nhóm người Trung Quốc này đưa 03 hộ chiếu (của Y, W và 01 người không nhớ rõ họ tên, riêng X không có hộ chiếu) cho C, Trung xem và nói họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên không có xin thị thực nhập cảnh. Lúc này, C và T biết họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, nhưng C vẫn tiếp tục giúp nhóm người Trung Quốc vì được T hứa sẽ trả tiền công cho C khi giúp phiên dịch với số người Trung Quốc. Từ ngày 27/6/2020 đến ngày 15/7/2020, C 03 lần giúp cho Y đổi tiền nhân dân tệ (mỗi lần khoảng 1.000 nhân dân tệ, 2.000 nhân dân tệ, 5.000 nhân dân tệ) được khoảng hơn 32.000.000đ. Mục đích của C trong việc giúp nhóm người Trung Quốc này thuê nhà lưu trú tại Việt Nam trái phép là để kiếm tiền tiêu xài. C được Y trả tiền công phiên dịch và hỗ trợ tìm nhà thuê là 3.000.000đ. C còn được T hứa trả công trong việc phiên dịch giúp nhóm người Trung Quốc này nhưng chưa nhận được thì bị công an phát hiện.

Bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận: Thông qua Trần Chí C và Nguyễn Quang F, Từ ngày 14/6/2020 đến cuối tháng 7/2020 T đã giúp cho 04 người Trung Quốc (Y, W, X và 01 người không nhớ rõ họ tên) thuê tại 02 căn nhà số 67 và số 81 để lưu trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/6/2020, T có yêu cầu nhóm Trung Quốc đưa hộ chiếu để kiểm tra (giao tiếp bằng phần mềm “Google dịch”), Y đã đưa cho T 03 hộ chiếu của Y, W và một người Trung không nhớ rõ họ tên, còn X không có hộ chiếu, T thấy 03 hộ chiếu này không được cấp thị thực nhập cảnh vào Việt Nam nên biết nhóm người Trung Quốc này đã nhập cảnh trái phép. Sau đó, T có đưa 03 hộ chiếu này cho Nguyễn Quang F xem. Ngoài ra, vào ngày 26/6/2020, T và Trần Chí C cùng với 04 người Trung Quốc trên ngồi uống cà phê tại quán gần nhà số 67, lúc này T có nhờ C hỏi nhóm người Trung Quốc này có thị thực nhập cảnh vào Việt Nam hay không thì nhóm người Trung Quốc này tiếp tục đưa 03 hộ chiếu trên cho T, C xem và nói họ nhập cảnh trái phép nên không có xin thị thực nhập cảnh. Ngoài ra, F có hỏi T là có thêm người Trung Quốc (không rõ bao nhiêu người) vào ở có cần đăng ký tạm trú không thì T nói không cần. Mục đích của T trong việc giúp nhóm người Trung Quốc này thuê nhà lưu trú tại Thành phố Hồ Chí Minh trái phép là để kiếm tiền tiêu xài. Tổng số tiền T được hưởng lợi trong việc này là 8.500.000đ (trong đó có 4.000.000đ từ căn nhà số 67; 4.000.000đ từ căn nhà số 81 và 500.000đ tiền công T giúp Y mua Laptop).

Bị cáo Nguyễn Quang F khai: Từ ngày 17/6/2020 đến cuối tháng 7/2020, thông qua Nguyễn Thành T, đã gặp và giúp cho nhóm người Trung Quốc (W, X và một số khác không nhớ rõ họ tên) thuê 02 căn nhà (số 67 và 81) để lưu trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, vào ngày 17/6/2020, F có hỏi T nhóm người

Trung Quốc có hộ chiếu hay không, thì T có đưa cho F xem 03 hộ chiếu của W và của 02 người khác F không nhớ rõ họ tên, còn X không có hộ chiếu, F thấy 03 hộ chiếu này không được cấp thị thực nhập cảnh vào Việt Nam nên biết nhóm người Trung Quốc này đã nhập cảnh trái phép. Ngoài ra, trong khoảng thời gian này, có thêm khoảng 17 người Trung Quốc vào ở tại 02 căn nhà trên, F có xem hộ chiếu của 05 người Trung Quốc, cũng thấy không có thị thực nhập cảnh vào Việt Nam nên F biết 05 người này nhập cảnh trái phép, còn 12 người Trung Quốc còn lại, F không kiểm tra hộ chiếu vì cho rằng 12 người này là bạn của những người Trung Quốc đã ở trước đó nên cũng nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Mục đích của F trong việc giúp nhóm người Trung Quốc này thuê nhà lưu trú tại Việt Nam trái phép là để kiếm tiền tiêu xài. Tổng số tiền F được hưởng lợi trong việc này là 11.000.000đ (trong đó có 6.000.000đ từ nhà số 67, 3.000.000đ từ nhà số 81 và 2.000.000đ tiền công mua thức ăn, đồ dùng cá nhân giúp nhóm người Trung Quốc).

Lời khai của những người cho thuê nhà gồm: Võ Thị Tuyết Nh (nhân Công ty G), Nguyễn Thị Bé L (chủ nhà số 67) và Nguyễn Kim Thành (chủ nhà số 81) đều xác nhận:

Ngày 16/6/2020, Nh dẫn Nguyễn Thành T, Trần Chí C và một số người Trung Quốc đi xem nhà. Sau đó, Trung đồng ý thuê nhà số 67. Ngày 17/6/2020, Trung dẫn Nguyễn Quang F đến Công ty G để F đứng tên ký hợp đồng thuê nhà số 67 với chủ nhà là bà Nguyễn Thị Bé L, số tiền thuê nhà là 20.000.000đ/tháng, đặt cọc 02 tháng và trả trước 01 tháng (nhưng trên hợp đồng ghi là 25.000.000đ/tháng theo yêu cầu của Trung). Ngày 09/7/2020, Trung gọi cho Nh nói muốn thuê thêm 01 căn nhà nữa. Sau đó, Nh dẫn F cùng một vài người Trung Quốc đến xem và đồng ý thuê căn nhà số 81. Ngày 10/7/2020, F đến Công ty G ký hợp đồng thuê nhà với chủ nhà là ông Nguyễn Kim Th, số tiền thuê nhà là 20.000.000đ/tháng, đặt cọc 02 tháng và trả trước 01 tháng. Khi làm thủ tục thuê 02 căn nhà trên, Nh có hỏi T là thuê cho ai ở thì T trả lời là cho người Việt Nam ở và Nh có dặn F nhớ đăng ký tạm trú cho người đến lưu trú.

Tổng số tiền T đưa cho Nh là 140.000.000đ, gồm 80.000.000đ tiền thuê căn nhà số 67 (trong đó 60.000.000đ là tiền cọc, tiền thuê nhà tháng thứ nhất và 20.000.000đ tiền thuê nhà tháng thứ hai); 60.000.000đ tiền đặt cọc và thuê căn nhà số 81 tháng thứ nhất. Nh đã đưa cho bà L số tiền 70.000.000đ, ông Th số tiền 50.000.000đ, còn 20.000.000đ Nh nộp vào Công ty G. Nh, L và Th chỉ biết F là người thuê nhà để ở, ngoài ra không biết việc có người Trung Quốc ở tại 02 căn nhà trên và cũng không được hưởng thêm lợi ích gì trong việc này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 473/2020/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày: 17/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Chí C, Nguyễn Quang F, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2020 bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Thành T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo chỉ biết 4 người Trung Quốc đầu tiên, còn những người sau là bạn của 4 người Trung Quốc đó bị cáo không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Tổ chức môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với mức án 07 năm tù là tương xứng mức độ hành vi của bị cáo, bị cáo kháng cáo không có tình tiết gì mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Ngày 14/6/2020, Trần Chí C được một người đàn ông Trung Quốc gọi điện nhờ tìm thuê nhà cho nhóm 04 người Trung Quốc (tên là W, X, Y và một người không nhớ rõ họ tên) lưu trú để đi du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, C đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Thành T nhờ tìm nhà thuê. Sau đó T đưa C và 04 người Trung Quốc đến đường E nhưng không tìm được căn nhà nào vừa ý. Ngày 15/6/2020, T liên hệ với Nguyễn Quang F và Võ Thị Tuyết Nh để hỗ trợ tìm nhà cho thuê. Khoảng 13 giờ, ngày 16/6/2020, C dẫn 04 người Trung Quốc đến gặp T và Nh để đi xem nhà và nhóm người Trung Quốc đồng ý thuê căn nhà số 67, đường 53, phường I, quận Đ. T thỏa thuận để F đứng tên hợp đồng thuê nhà và hứa sẽ trả công cho F. C, T và F đều biết 04 người Trung Quốc này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng vẫn thuê nhà cho nhóm người này ở lại Việt Nam trái phép.

Đầu tháng 7/2020, Y đề nghị T thuê giúp thêm 01 căn nhà, do số người Trung Quốc ở tại căn nhà số 67 quá đông. Ngày 09/7/2020, T nhờ Nh dẫn F cùng nhóm người Trung Quốc đi xem và nhất trí thuê căn nhà số 81, đường 55, phường I, quận Đ. Ngày 10/7/2020 F đến Công ty G ký hợp đồng thuê nhà với

chủ nhà là ông Nguyễn Kim Th. Sau đó F đã thông báo cho một số người Trung Quốc chuyển từ nhà số 67 đến nhà số 81 để. F cũng không kiểm tra hộ chiếu vì nghĩ nhóm người này là bạn những người Trung Quốc đã ở trước đó nên cũng nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Nguyễn Thành T và Nguyễn Quang F đã tổ chức môi giới và chịu trách nhiệm cho 10 người Trung Quốc (W, X, Xie Jianli, Fan Youzhi, Luo Gui Yun, Xie Yan, Lin Shi Wei, Y và 01 người không nhớ rõ họ tên) thuê nhà số 67 và nhà số 81 lưu trú trái phép tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hành vi của các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo Điều 348 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam. Việc thuê nhà cho nhóm người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép của các bị cáo là nhằm thu lợi bất chính.

Trong khi tình hình dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến rất phức tạp trên thế giới và cả nước đang tích cực triển khai, phòng chống dịch, thì các bị cáo vì mục đích thu lợi bất chính đã tổ chức cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép, đây là một trong số những nguyên nhân nguy cơ xâm nhiễm dịch bệnh từ nước ngoài vào Việt Nam; là mối nguy hại cho những nỗ lực phòng chống dịch mà cả nước đã đạt được trong thời gian qua và còn liên quan đến an ninh, trật tự quốc gia. Vì vậy, cần xét xử nghiêm các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch trong giai đoạn hiện nay.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Thành T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự, có cha được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; Huy chương Vì an ninh Tổ quốc; có bà nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; có ông nội là liệt sỹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Trần Chí C tại trang 4 Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định như sau: *“Sáng 30/7/2020, Y gọi điện thoại báo cho C biết việc nhóm người Trung Quốc bị phát hiện, một số người bị công an mời về làm việc, một số người bỏ chạy được và nhờ C đón 06 người Trung Quốc ở đường V, Quận U đến TT Aeon Maill. Một lúc sau, T cũng gọi C nói việc nhóm người Trung Quốc bị công an mời về làm việc, C hẹn T ở TT Aeon Mall. Tại đây, C, T, 06 người Trung Quốc và Y gặp nhau, Y đưa C 15.000.000 đồng để nhờ trả tiền tài xế. Trong lúc C đếm tiền thì Y đưa điện thoại cho T nói chuyện với tài xế để hướng dẫn đường đi vào. Sau đó, C đưa cho*

T 15.000.000 đồng để T trả cho tài xế của xe 29 chỗ đến đón nhóm người Trung Quốc. T đã hướng dẫn cho xe đến đoạn đường R giao với đường S để chở Y và nhóm người Trung Quốc đi khỏi Thành phố Hồ Chí Minh, còn C và T về nhà.

Xét bị cáo C là người có vai trò chính và là người trực tiếp liên hệ, tổ chức môi giới cho 04 người Trung Quốc thuê nhà, ở lại Việt Nam trái phép, sau đó khi nhóm người Trung Quốc bị phát hiện còn thuê xe cho những người Trung Quốc bỏ chạy được trốn đi khỏi thành phố. Như vậy, cáo trạng truy tố bị cáo C theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là không đúng hành vi mà bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm vụ án này đối với bị cáo Trần Chí C.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 473/2020/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T: 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày: 17/9/2020.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm vụ án này đối với bị cáo Trần Chí C.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại giam TP. Hồ Chí Minh ; bị cáo (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (6). 17b (MTTT).

Trần Thị Huyền Vân